

Bản án số: 52/2022/HSST
Ngày 03-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lâm, ông V Tiến Thả

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2022/TLST- HS ngày 19 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T, sinh năm 1990, tại: Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Sáu và bà V Thị Q; có vợ và hai người con; tiền án, tiền sự: (không); nhân thân: Ngày 21/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến 31/8/2022; thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh ngày 31/8/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

2. Ông Phạm Tấn H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

3. Ông Đậu Đình H, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

6. Ông Trần Hữu T, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

7. Bà Hà Thị T, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

8. Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

10.Ông Phan Kim L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

11.Ông Trần Anh Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

12.Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

13.Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

14.Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/5/2022, nhận được nguồn tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thành T đang giao dịch cho vay lãi nặng với Nguyễn Hữu H tại Thôn 1, xã P, huyện Bù Gia Mập. Tang vật thu giữ: số tiền 6.300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen và 03 hợp đồng cho vay tiền giữa T và H.

Sau đó, tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Nguyễn Thành T và tạm giữ: Hợp đồng vay mượn ngày 11/3/2022 (người vay Lê Hoàng Anh), hợp đồng vay mượn ngày 05/4/2022 (người vay Đậu Đình H), hợp đồng vay mượn ngày 10/5/2022 (người vay Trần Mạnh T), hợp đồng vay mượn ngày 15/10/2022 (người vay Phan Kim L), Giấy vay tiền ngày 20/12/2021 (người vay Huỳnh Văn D), giấy vay tiền ngày 25/11/2021 (người vay Nguyễn Thành V). Ngoài ra, khi làm việc bà Hà Thị T đã giao nộp giấy vay tiền ghi ngày 19/12/2021.

Quá trình điều tra đã xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến khi bị bắt quả tang, Nguyễn Thành T đã cho nhiều người vay tiền, tính tiền lãi từ 5.000 đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, hình thức vay và lấy lãi được T quy định cứ 10 ngày thì lấy lãi 01 lần, khi đưa tiền cho người vay thì T lấy tiền lãi trước 10 ngày, cụ thể:

- Tháng 01/2022, T cho Nguyễn Hữu H vay 03 lần, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, cụ thể: Ngày 16/01/2022 cho vay 16.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 20.960.000 đồng (lãi thu lợi bất chính là 19.811.507 đồng); ngày 21/01/2022 cho vay 5.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 6.300.000 đồng (lãi thu lợi bất chính là 5.954.759 đồng); ngày 29/01/2022 cho vay 6.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 7.080.000 đồng (lãi thu lợi bất chính là 6.692.055 đồng). Tổng cộng T đã thu tiền lãi từ H là 26.000.000 đồng (lãi theo BLDS: 1.424.658 đồng; lãi thu lợi bất chính: 24.575.432 đồng). Ngày 27/5/2022 H đã trả cho T 3.000.000 đồng tiền gốc, số tiền 24.000.000 đồng còn lại H chưa trả.

- Khoảng giữa tháng 3/2022, T cho Lê Hoàng M vay nhiều lần với tổng số tiền 16.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. T đã lấy tiền lãi 5.000.000 đồng (lãi theo BLDS: 273.973 đồng; lãi thu lợi bất chính 4.726.027 đồng), M chưa trả tiền gốc.

- Ngày 05/4/2022, cho Đậu Đình H vay 4.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. T đã lấy tiền lãi 2.400.000 đồng (lãi theo BLDS: 113.973 đồng; lãi thu lợi bất chính 2.286.027 đồng), H chưa trả tiền gốc cho T.

- Ngày 11/3/2022, cho Lê Hoàng A vay 15.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 11/4/2022 Hoàng A đã trả cho T toàn bộ tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi (lãi theo BLDS: 246.575 đồng; lãi thu lợi bất chính 4.253.425 đồng).

- Ngày 25/5/2022, cho Trần Anh Đ vay 3.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Khi vay thì T nói Đ trả trước tiền lãi 10 ngày nên Đ đưa lại cho T 300.000 đồng (lãi thu lợi bất chính 283.562 đồng, lãi theo BLDS là 16.438 đồng). Đ chưa trả tiền gốc cho T.

- Ngày 12/02/2022, cho Phạm Tấn H vay 10.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 27/3/2022 H đã trả tiền gốc và 4.300.000 đồng tiền lãi (lãi theo BLDS: 235.616 đồng, lãi thu lợi bất chính 4.064.384 đồng).

- T cho Nguyễn Thị Kim T vay 03 lần tổng số tiền 17.000.000 đồng (ngày 27/01/2022 là 6.000.000 đồng, ngày 22/3/2022 là 10.000.000 đồng và ngày 17/4/2022 là 1.000.000 đồng), tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 21/5/2022 T đã trả cho T tiền gốc 10.000.000 đồng. T đã thu tổng tiền lãi là 13.500.000 đồng (lãi theo BLDS: 739.726 đồng; lãi thu lợi bất chính: 12.760.274 đồng). Số tiền gốc 7.000.000 đồng T chưa trả cho T.

- Ngày 25/11/2021, cho Nguyễn Thành V vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. T đã lấy số tiền lãi 3.750.000 đồng (lãi theo BLDS: 405.405 đồng; lãi thu lợi bất chính 3.344.595 đồng), V chưa trả tiền gốc cho T.

- Ngày 17/10/2021, cho Phan Kim L vay 24.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tính lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và 14.000.000 đồng, tính lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tiền lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 42.180.000 đồng (lãi sẽ thu lợi bất chính là 39.868.767 đồng). T đã thu tiền lãi từ L là 28.000.000 đồng (lãi theo BLDS: 1.534.247 đồng; lãi thu lợi bất chính 26.465.753 đồng), L chưa trả tiền gốc cho T.

- Ngày 22/12/2021, cho Huỳnh Văn D vay 2.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tính đến ngày 27/5/2022 số tiền lãi T sẽ thu 3.160.000 đồng (lãi sẽ thu lợi bất chính là 2.986.849 đồng), đã thu tiền lãi 2.000.000 đồng (lãi theo BLDS: 109.589 đồng; lãi thu lợi bất chính là 1.890.411 đồng), D chưa trả tiền gốc cho T.

- Ngày 19/12/2021, cho Hà Thị T vay 5.000.000 đồng, đến ngày 26/4/2022 cho T vay tiếp 8.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 26/4/2022 T đã trả 13.000.000 tiền gốc và 9.900.000 đồng tiền lãi (lãi theo BLDS: 542.466 đồng; lãi thu lợi bất chính là 9.357.934 đồng).

- Khoảng tháng 3/2022, cho Trần Mạnh T vay 3.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Sau đó T đã trả cho T 3.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi. Ngày 10/5/2022, T cho T vay tiếp 4.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, T đã thu tiền lãi 800.000 đồng. Tiền gốc 4.000.000 đồng T chưa trả cho T. Như vậy tổng số tiền lãi T đã thu từ Tín là 1.700.000 đồng (lãi theo BLDS: 93.151 đồng; lãi thu lợi bất chính là 1.606.849 đồng).

- Ngày 27/02/2022, cho Trần Hữu T vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tính đến ngày 27/5/2022 số tiền lãi T sẽ thu là 4.450.000 đồng (lãi sẽ thu lợi bất chính là 4.206.164 đồng). T đã thu tiền lãi 4.000.000 đồng (lãi theo BLDS: 219.178 đồng; lãi thu lợi bất chính: 3.780.822 đồng), T chưa trả tiền gốc cho T.

- Khoảng đầu tháng 01/2022, cho Nguyễn Ngọc H vay 4.000.000 đồng, đến đầu tháng 02/2022 H vay thêm 1.000.000 đồng, tiền lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, cứ 10 ngày lấy lãi 1 lần. Ngày 27/4/2022, H trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc. Ngày

27/5/2022, H trả tiền gốc và lãi còn lại 3.300.000 đồng. Tính đến ngày bị bắt quả tang T đã thu tiền lãi 5.950.000 đồng (lãi theo BLDS: 326.027 đồng; lãi thu lợi bất chính là 5.623.973 đồng).

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 27/5/2022 Nguyễn Thành T đã sử dụng số tiền 153.000.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu đồng), cho Nguyễn Hữu H, Lê Hoàng M, Đậu Đình H, Lê Hoàng A, Trần Anh Đ, Phạm Tấn H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thành V, Phan Kim L, Huỳnh Văn D, Hà Thị T, Trần Mạnh T, Trần Hữu T và Nguyễn Ngọc H vay. Số tiền lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 136.255.000 đồng (lãi sẽ thu lợi bất chính là 128.562.597 đồng). T đã thu hồi được 59.000.000 đồng tiền gốc và 111.300.000 đồng tiền lãi của những vay (lãi theo BLDS: 6.281.022 đồng; lãi đã thu lợi bất chính là 105.018.978 đồng).

Ngày 03/6/2022, Nguyễn Thành T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 48/CTr -VKS ngày 16/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố Nguyễn Thành T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; Điều 38; điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù và phạt bổ sung 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành T trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho người vay là 61.681.307 đồng, bao gồm: Nguyễn Hữu H 24.575.342 đồng, Huỳnh Văn D 1.890.411 đồng, Trần Hữu T 3.780.822 đồng, Lê Hoàng Anh 4.253.425 đồng, Phạm Tấn H 4.064.384 đồng, Nguyễn Thị Kim T 12.760.274 đồng, Đậu Đình H 2.286.027 đồng, Lê Hoàng M 4.726.027 đồng và Nguyễn Thành V 3.344.595 đồng.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc vay của bị cáo T để sung vào ngân sách Nhà nước, gồm: Nguyễn Hữu H 24.000.000 đồng; Lê Hoàng M 16.000.000 đồng; Đậu Đình H 4.000.000 đồng; Trần Anh Đ 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kim T 7.000.000 đồng; Nguyễn Thành V 5.000.000 đồng; Phan Kim L 24.000.000 đồng; Huỳnh Văn D 2.000.000 đồng; Trần Mạnh T 4.000.000 đồng; Trần Hữu T 5.000.000 đồng.

- Về vật chứng:

- + Số tiền 6.300.000 đồng thu giữ từ Nguyễn Thành T, xác định đây là số tiền gốc người vay trả cho T nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen là phương tiện T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- + Truy thu của bị cáo Nguyễn Thành T số tiền 58.981.022 đồng (bao gồm 52.700.000 đồng tiền gốc người vay đã trả và 6.281.022 tiền lãi theo quy định BLDS) để sung quỹ nhà nước.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

- Bị cáo Nguyễn Thành T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu H, ông Phạm Tấn H, ông Đậu Đình H, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Hữu T, bà Hà Thị T, ông Lê Hoàng M, ông Nguyễn Thành V, ông Phan Kim L, ông Trần Anh Đ, ông

Trần Mạnh T, ông Lê Hoàng A, ông Huỳnh Văn D đều khai tại các bản ghi lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo.

- Người chứng kiến ông Nguyễn Đăng T khai (bút lục: 147): 13 giờ 30 ngày 27/5/2022, ông T chứng kiến Công an bắt quả tang đối với Nguyễn Thành T về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng Bộ luật Hình sự để xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Các hành vi phạm tội thực hiện từ ngày 01/01/2018 trở đi thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/2021 đến ngày 27/5/2022 Nguyễn Thành T đã sử dụng số tiền 153.000.000 đồng cho Nguyễn Hữu H, Lê Hoàng M, Đậu Đình H, Lê Hoàng A, Trần Anh Đ, Phạm Tấn H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thành V, Phan Kim L, Huỳnh Văn D, Hà Thị T, Trần Mạnh T, Trần Hữu T và Nguyễn Ngọc H vay; tiền lãi từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương với lãi suất từ 182,5%/01 năm đến 365%/01 năm, cao hơn từ 9,125 lần đến 18,25 lần so với lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự); hình thức vay và lấy lãi được T quy định cứ 10 ngày thì lấy lãi 01 lần, khi đưa tiền cho người vay thì T lấy tiền lãi trước 10 ngày. Số tiền lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 136.255.000 đồng (lãi sẽ thu lợi bất chính là 128.562.597 đồng). T đã thu hồi được 59.000.000 đồng tiền gốc và 111.300.000 đồng tiền lãi của những người vay (lãi theo BLDS: 6.281.022 đồng; lãi đã thu lợi bất chính là 105.018.978 đồng).

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ và mục đích cá nhân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; nhân thân: Ngày 21/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù và hình

phạt bổ sung tương xứng với hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, tôn trọng lợi ích hợp pháp của công dân và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả”, “Thành khẩn khai báo”. Đây là tình tiết giảm nhẹ được xem xét khi lượng hình quy định tại các điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo là phù hợp và đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành T trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho người vay là 61.681.307 đồng, bao gồm: Nguyễn Hữu H 24.575.342 đồng, Huỳnh Văn D 1.890.411 đồng, Trần Hữu T 3.780.822 đồng, Lê Hoàng A 4.253.425 đồng, Phạm Tấn H 4.064.384 đồng, Nguyễn Thị Kim T 12.760.274 đồng, Đậu Đình Huy 2.286.027 đồng, Lê Hoàng M 4.726.027 đồng và Nguyễn Thành V 3.344.595 đồng.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc vay của bị cáo T để sung vào ngân sách Nhà nước, gồm: Nguyễn Hữu H 24.000.000 đồng; Lê Hoàng M 16.000.000 đồng; Đậu Đình H 4.000.000 đồng; Trần Anh Đ 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kim T 7.000.000 đồng; Nguyễn Thành V 5.000.000 đồng; Phan Kim L 24.000.000 đồng; Huỳnh Văn D 2.000.000 đồng; Trần Mạnh T 4.000.000 đồng; Trần Hữu T 5.000.000 đồng.

- Về vật chứng:

+ Số tiền 6.300.000 đồng thu giữ từ Nguyễn Thành T, xác định đây là số tiền gốc người vay trả cho T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen là phương tiện T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Nguyễn Thành T số tiền 58.981.022 đồng (bao gồm 52.700.000 đồng tiền gốc người vay đã trả và 6.281.022 tiền lãi theo quy định BLDS) để sung quỹ nhà nước.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; Điều 50; các điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án; được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến 31/8/2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thành T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành T trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho người vay là 61.681.307 đồng, bao gồm: Nguyễn Hữu H 24.575.342 đồng, Huỳnh Văn D 1.890.411 đồng, Trần Hữu T 3.780.822 đồng, Lê Hoàng A 4.253.425 đồng, Phạm Tấn H 4.064.384 đồng, Nguyễn Thị Kim T 12.760.274 đồng, Đậu Đình H 2.286.027 đồng, Lê Hoàng M 4.726.027 đồng và Nguyễn Thành V 3.344.595 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc vay của bị cáo T để sung vào ngân sách Nhà nước, gồm: Nguyễn Hữu H 24.000.000 đồng; Lê Hoàng M 16.000.000 đồng; Đậu Đình H 4.000.000 đồng; Trần Anh Đ 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kim T 7.000.000 đồng; Nguyễn Thành V 5.000.000 đồng; Phan Kim L 24.000.000 đồng; Huỳnh Văn D 2.000.000 đồng; Trần Mạnh T 4.000.000 đồng; Trần Hữu T 5.000.000 đồng.

- Về vật chứng:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen.

+ Truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thành T số tiền 58.981.022 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi một nghìn không trăm hai mươi hai đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.084.065 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/11/2022); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- CA huyện Bù Gia Mập (03 bản);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thoại